

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2025/DS-PT

Ngày 25 - 4 - 2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng hợp tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2024/TLPT-DS ngày 14/11/2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng hợp tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 650/2025/QĐ-PT ngày 21/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Lê Tấn L, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo uỷ quyền của anh D, anh P (Văn bản uỷ quyền ngày 30/11/2023 – Có mặt)

2. Bị đơn:

- 2.1. Ông Cao Văn Ú, sinh năm 1964;
- 2.2. Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1970;
- 2.3. Chị Cao Thị Kim T1, sinh năm 2000;
- 2.4. Chị Cao Thị Quế H, sinh năm 2003;
- 2.5. Anh Cao Minh V, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Ú, chị T1, chị H, anh V: Chị Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1970 (Các văn bản ủy quyền ngày 28/12/2023 và 23/4/2024 – Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Huỳnh Thị Cẩm T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Lê Tấn L trình bày: Ngày 01/01/2023, anh Nguyễn Văn P, anh Nguyễn Thanh D và gia đình ông Cao Văn Ú, bà Huỳnh Thị Cẩm T, chị Cao Thị Kim T1, chị Cao Thị Quế H, anh Cao Minh V đã thỏa thuận ký kết “Giấy Hợp đồng làm đất vườn sầu riêng” với nội dung: Chủ đất vườn sầu riêng gồm ông Ú, bà T, chị T1, chị H, anh V cho anh P, anh D làm phần đất vườn diện tích 7.000m² tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có trồng 250 gốc sầu riêng Ri6, khi thu hoạch tổng số tiền bán trái sẽ chia theo tỷ lệ là chủ đất vườn hưởng 40%, người làm vườn hưởng 60%, thời hạn hợp đồng là 04 năm tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/01/2027, chủ đất vườn sầu riêng không được thay đổi hợp đồng nếu thay đổi phải chịu trách nhiệm bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng.

Anh P, anh D đã nhận đất và tiến hành cải tạo, chăm sóc vườn sầu riêng theo thỏa thuận. Đến ngày 18/11/2023, hai bên chia tiền bán sầu riêng theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

Ngày 23/11/2023, anh P, anh D đến vườn sầu riêng để chăm sóc cây thì vợ chồng ông Ú, bà T và người thân của họ ngăn cản không cho vào vườn. Việc vợ chồng ông Ú, bà T không cho anh P, anh D vào làm vườn là vi phạm hợp đồng ký kết.

Anh P, anh D có yêu cầu ông Ú, bà T, chị T1, chị H, anh V có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền 01 tỷ đồng, thực hiện 01 lần ngay khi án có hiệu lực.

Bị đơn ông Cao Văn Ú trình bày: Do được người quen giới thiệu nên gia đình ông có biết anh P. Sau đó vào ngày 01/01/2023, anh P có dẫn theo anh D đến gia đình ông gồm ông, vợ là Huỳnh Thị Cẩm T, con là Cao Thị Kim T1, Cao Thị Quế H, Cao Minh V để ký kết hợp đồng làm đất vườn sầu riêng với anh D, anh P. Trên đất có 250 gốc sầu riêng Ri6 là của ông. Nội dung thỏa thuận là ông và anh P làm trên đất. Còn anh D là thương lái mua sầu riêng khi thu hoạch. Anh D là người bỏ tiền đầu tư phân thuốc và chi phí cho đến ngày thu hoạch. Khi bán sầu riêng thì chủ vườn hưởng 40%, người làm vườn hưởng 60%. Thời hạn hợp đồng là 04 năm kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/01/2027.

Nội dung “Chủ đất vườn sầu riêng không được làm thay đổi hợp đồng. Nếu thay đổi Hợp đồng phải chịu trách nhiệm bồi thường cho anh P và anh D 1000.000.000 (Một tỷ) đồng” được ghi trong hợp đồng thì gia đình ông có ký tên vô nhưng lúc ký tên thì anh D, anh P nói là ký vậy cho có hình thức chứ thực tế không áp dụng việc này nên gia đình ông mới ký vô Hợp đồng.

Khoảng thời gian đầu thực hiện hợp đồng thì anh P, anh D thực hiện tốt, đến khoảng tháng 10/2023 thì xảy ra việc anh D mua sầu riêng dạt quá nhiều không đúng, ảnh hưởng đến thu nhập thu hoạch trái cây của gia đình ông nên hai bên dẫn đến mâu thuẫn.

Ngoài ra, anh P trong quá trình làm vườn lợi dụng lúc ông không có ở nhà có hành động xâm sở vợ ông là chị Huỳnh Thị Cẩm T.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý, yêu cầu hủy hợp đồng làm đất vườn sầu riêng với anh D, anh P do họ không thực hiện đúng hợp đồng.

Các bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T, chị Cao Thị Kim T1, chị Cao Thị Quế H và anh Cao Minh V cùng trình bày: Thống nhất với nội dung và ý kiến của ông Cao Văn Ú, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu ông Ú, chị T, anh V liên đới bồi thường số tiền 01 tỷ đồng, không yêu cầu chị T1, chị H liên đới bồi thường số tiền này.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh D, Nguyễn Văn P.

Buộc ông Cao Văn Ú, bà Huỳnh Thị Cẩm T, anh Cao Minh V phải liên đới bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng cho anh Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Văn P.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chị T1, chị H liên đới bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Bị đơn và đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T có đơn kháng cáo đề ngày 03/7/2024, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày, mỗi năm thực hiện hợp đồng thuê đất, các bên phân chia theo tỷ lệ 6/4. Việc phân chia được thực hiện xong mỗi năm. Đồng thời, trong đợt thu hoạch sầu riêng năm 2023, nguyên đơn không có thiệt hại gì. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bồi thường một tỷ đồng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý vụ án tranh chấp “Hợp đồng hợp tác” là chính xác

với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 504 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T2.

Theo người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, do phía bị đơn vi phạm sự thỏa thuận, chấm dứt hợp đồng hợp tác nên nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.000.000.000 đồng. Chị T2 kháng cáo vì cho rằng bên vi phạm là phía nguyên đơn do không thu mua sầu riêng đúng theo thỏa thuận.

Để xem xét yêu cầu kháng cáo của chị T2 cần xem xét: Các bên trong hợp đồng hợp tác ngày 01/01/2023 gồm chị Huỳnh Thị Thanh T2, ông Cao Văn Ú và anh Cao Minh V cũng như anh Nguyễn Thanh D, Nguyễn Văn P có vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng hay không; Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của bị đơn có phù hợp với quy định của pháp luật hay không.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ngoài việc thỏa thuận về phân chia số tiền bán sầu riêng theo hợp đồng hợp tác ngày 01/01/2023, vào ngày 30/10/2023 hai bên còn lập bản hợp đồng có nội dung thỏa thuận cụ thể về người thu mua sầu riêng là anh Nguyễn Thanh D, với giá 103.000 đồng/kg, cắt hết vườn, tiền cọc 100.000.000 đồng, ai sai hợp đồng bồi thường gấp 10 lần (bút lục 68).

Chị T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng không vi phạm hợp đồng. Phía anh D là bên vi phạm vì anh D mua sầu riêng dạt quá nhiều, ảnh hưởng đến nguồn thu nhập của gia đình. Số sầu riêng dạt được anh D mua với giá 50.000 đồng/kg. Chị T2 không đồng ý nên mua lại và bán cho lái khác (bút lục 136-140).

Nhận thấy, lời trình bày của chị T2 là có căn cứ. Bởi lẽ, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận có việc loại sầu riêng dạt nhưng do chủ vừa sầu riêng loại. Tuy vậy, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh sầu riêng được các bên thỏa thuận bán cho một chủ vừa khác. Bên cạnh đó, bà Dương Thị Ngọc Q là người được chị T2 mướn quét lá trên trái sầu riêng đã trực tiếp chứng kiến anh D là người mua sầu riêng và loại bỏ nhiều sầu riêng dạt.

Từ những căn cứ trên cho thấy, anh D là người vi phạm thỏa thuận của các bên trong hợp đồng ngày 30/10/2023 vì không thu mua hết vườn theo thỏa thuận với giá 103.000.000 đồng/kg. Điều này được xem là anh D đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 423 Bộ luật dân sự, làm cho bên kia không đạt được mục đích của giao kết hợp đồng, dẫn đến thu nhập của gia đình chị T2 từ vườn sầu riêng giảm sút. Do đó, chị T2, ông

Ú, anh V có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 428 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, phía bên chị T2 có thông báo trước cho anh D, anh P và hoàn toàn không có thiệt hại xảy ra cho hai anh. Bởi lẽ, tại phiên tòa, các bên đều thống nhất, hai bên thỏa thuận phân chia tiền bán sào riêng theo từng vụ, không kéo dài qua vụ sau. Vụ thứ nhất, tiền bán sào riêng thu được là 1.200.000.000 đồng, chia theo tỷ lệ 6/4 nên anh P, anh D được chia 720.000.000 đồng, trong khi chi phí theo liệt kê của hai anh là 525.300.000 đồng, phía gia đình chị T2 được chia 480.000.000 đồng.

Ông Ú, chị T2 không yêu cầu phía anh D, anh P bồi thường gấp 10 lần tiền cọc theo thỏa thuận ngày 30/10/2023 là có lợi cho hai anh.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Hợp đồng ngày 01/01/2023 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà không xem xét tới Hợp đồng ngày 30/12/2023 là chưa xem xét đánh giá toàn diện chứng cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Từ phân tích trên, kháng cáo của bà T2 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh D, Nguyễn Văn P về yêu cầu buộc ông Cao Văn Ú, chị Huỳnh Thị Cẩm T, anh Cao Minh V bồi thường 1.000.000.000 đồng.

Đối với phần quyết định không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, các Điều 148, 309, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 195/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 418, 423, 428, 504, 512 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh D, Nguyễn Văn P về việc buộc ông Cao Văn Ú, chị Huỳnh Thị Cẩm T, anh Cao Minh V phải liên đới bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh D, Nguyễn Văn P về việc buộc chị T1, chị H liên đới bồi thường 1.000.000.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho chị Huỳnh Thị Cẩm T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015617 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thanh D, Nguyễn Văn P phải chịu 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0014683 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp số tiền 21.000.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện Cái Bè;
 - CCTHADS huyện Cái Bè;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2025-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ánh Phương